

Họ, tên thí sinh:.....

Số báo danh:.....

**ĐỀ THI GỒM 50 CÂU (TỪ CÂU 1 ĐẾN CÂU 50) DÀNH CHO TẤT CẢ THÍ SINH.**

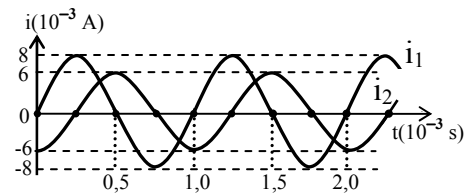
Cho biết: hằng số Plăng  $h = 6,625 \cdot 10^{-34}$  J.s; độ lớn điện tích nguyên tố  $e = 1,6 \cdot 10^{-19}$  C; tốc độ ánh sáng trong chân không  $c = 3 \cdot 10^8$  m/s;  $1 \text{ u.c}^2 = 931,5 \text{ MeV}$ .

**Câu 1:** Một chất điểm dao động điều hòa với phương trình  $x = 6 \cos \pi t$  (x tính bằng cm, t tính bằng s). Phát biểu nào sau đây đúng?

- A. Tốc độ cực đại của chất điểm là 18,8 cm/s.  
 B. Gia tốc của chất điểm có độ lớn cực đại là  $113 \text{ cm/s}^2$ .  
 C. Chu kỳ của dao động là 0,5 s.  
 D. Tần số của dao động là 2 Hz.

**Câu 2:** Hai mạch dao động điện từ LC lí tưởng đang có dao động điện từ tự do với các cường độ dòng điện tức thời trong hai mạch là  $i_1$  và  $i_2$  được biểu diễn như hình vẽ. Tổng điện tích của hai tụ điện trong hai mạch ở cùng một thời điểm có giá trị lớn nhất bằng

- A.  $\frac{4}{\pi} \mu\text{C}$ .  
 B.  $\frac{5}{\pi} \mu\text{C}$ .  
 C.  $\frac{3}{\pi} \mu\text{C}$ .  
 D.  $\frac{10}{\pi} \mu\text{C}$ .



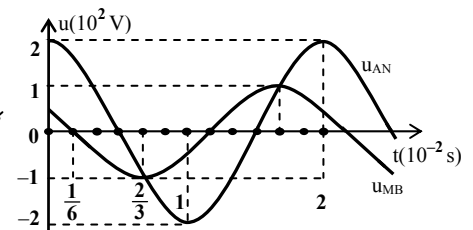
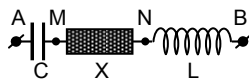
**Câu 3:** Công thoát electron của một kim loại là 4,14 eV. Giới hạn quang điện của kim loại này là

- A. 0,3  $\mu\text{m}$ .  
 B. 0,6  $\mu\text{m}$ .  
 C. 0,2  $\mu\text{m}$ .  
 D. 0,4  $\mu\text{m}$ .

**Câu 4:** Đặt điện áp  $u = U \sqrt{2} \cos 2\pi f t$  (f thay đổi được, U tỉ lệ thuận với f) vào hai đầu đoạn mạch AB gồm đoạn mạch AM mắc nối tiếp với đoạn mạch MB. Đoạn mạch AM gồm điện trở thuần R mắc nối tiếp với tụ điện có điện dung C, đoạn mạch MB chỉ có cuộn cảm thuần có độ tự cảm L. Biết  $2L > R^2 C$ . Khi  $f = 60 \text{ Hz}$  hoặc  $f = 90 \text{ Hz}$  thì cường độ dòng điện hiệu dụng trong mạch có cùng giá trị. Khi  $f = 30 \text{ Hz}$  hoặc  $f = 120 \text{ Hz}$  thì điện áp hiệu dụng hai đầu tụ điện có cùng giá trị. Khi  $f = f_1$  thì điện áp ở hai đầu đoạn mạch MB lệch pha một góc  $135^\circ$  so với điện áp ở hai đầu đoạn mạch AM. Giá trị của  $f_1$  bằng

- A. 80 Hz.  
 B. 60 Hz.  
 C. 120 Hz.  
 D. 50 Hz.

**Câu 5:** Đặt điện áp xoay chiều ổn định vào hai đầu đoạn mạch AB mắc nối tiếp (hình vẽ). Biết tụ điện có dung kháng  $Z_C$ , cuộn cảm thuần có cảm kháng  $Z_L$  và  $3Z_L = 2Z_C$ . Đồ thị biểu diễn sự phụ thuộc vào thời gian của điện áp giữa hai đầu đoạn mạch AN và điện áp giữa hai đầu đoạn mạch MB như hình vẽ. Điện áp hiệu dụng giữa hai điểm M và N là



- A. 173 V.  
 B. 122 V.  
 C. 86 V.  
 D. 102 V.

**Câu 6:** Cho hai dao động điều hòa cùng phương với các phương trình lần lượt là  $x_1 = A_1 \cos(\omega t + 0,35)$  (cm) và  $x_2 = A_2 \cos(\omega t - 1,57)$  (cm). Dao động tổng hợp của hai dao động này có phương trình là  $x = 20 \cos(\omega t + \varphi)$  (cm). Giá trị cực đại của  $(A_1 + A_2)$  gần giá trị nào nhất sau đây?

- A. 35 cm.  
 B. 25 cm.  
 C. 40 cm.  
 D. 20 cm.

**Câu 7:** Các thao tác cơ bản khi sử dụng đồng hồ đa năng hiện số (hình vẽ) để đo điện áp xoay chiều cỡ 120 V gồm:

- Nhấn nút ON OFF để bật nguồn của đồng hồ.
- Cho hai đầu đo của hai dây đo tiếp xúc với hai đầu đoạn mạch cần đo điện áp.
- Vặn đầu đánh dấu của núm xoay tới chấm có ghi 200, trong vùng ACV.
- Cắm hai đầu nổi của hai dây đo vào hai ổ COM và VΩ.
- Chờ cho các chữ số ổn định, đọc trị số của điện áp.
- Kết thúc các thao tác đo, nhấn nút ON OFF để tắt nguồn của đồng hồ.

Thứ tự đúng các thao tác là

- A.** d, b, a, c, e, g.      **B.** d, a, b, c, e, g.  
**C.** a, b, d, c, e, g.      **D.** c, d, a, b, e, g.

**Câu 8:** Trong môi trường đẳng hướng và không hấp thụ âm, có 3 điểm thẳng hàng theo đúng thứ tự A; B; C với  $AB = 100\text{ m}$ ,  $AC = 250\text{ m}$ . Khi đặt tại A một nguồn điểm phát âm công suất P thì mức cường độ âm tại B là 100 dB. Bỏ nguồn âm tại A, đặt tại B một nguồn điểm phát âm công suất 2P thì mức cường độ âm tại A và C là

- A.** 100 dB và 96,5 dB.      **B.** 103 dB và 96,5 dB.  
**C.** 100 dB và 99,5 dB.      **D.** 103 dB và 99,5 dB.

**Câu 9:** Dòng điện có cường độ  $i = 2\sqrt{2} \cos 100\pi t$  (A) chạy qua điện trở thuần  $100 \, \Omega$ . Trong 30 giây, nhiệt lượng tỏa ra trên điện trở là

- A.** 8485 J.                      **B.** 24 kJ.                      **C.** 4243 J.                      **D.** 12 kJ.

**Câu 10:** Tia X

- A.** mang điện tích âm nên bị lệch trong điện trường.  
**B.** cùng bản chất với sóng âm.  
**C.** có tần số nhỏ hơn tần số của tia hồng ngoại.  
**D.** cùng bản chất với tia tử ngoại.

**Câu 11:** Điện áp  $u = 141\sqrt{2}\cos 100\pi t$  (V) có giá trị hiệu dụng bằng

- A.** 282 V.      **B.** 141 V.      **C.** 100 V.      **D.** 200 V.

**Câu 12:** Đặt điện áp  $u = 180\sqrt{2} \cos \omega t$  (V) (với  $\omega$  không đổi) vào hai đầu đoạn mạch AB (hình vẽ). R là điện trở thuần, tụ điện có điện dung C, cuộn cảm thuần có độ tự cảm L thay đổi được. Điện áp hiệu dụng ở hai đầu đoạn mạch MB và độ lớn góc lệch pha của cường độ dòng điện so với điện áp  $u$  khi  $L = L_1$  là  $U$  và  $\varphi_1$ , còn khi  $L = L_2$  thì tương ứng là  $\sqrt{8}U$  và  $\varphi_2$ . Biết  $\varphi_1 + \varphi_2 = 90^\circ$ . Giá trị  $U$  bằng

- A.** 135 V.      **B.** 180 V.      **C.** 90 V.      **D.** 60 V.

**Câu 13:** Chùm ánh sáng laze **không** được ứng dụng

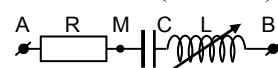
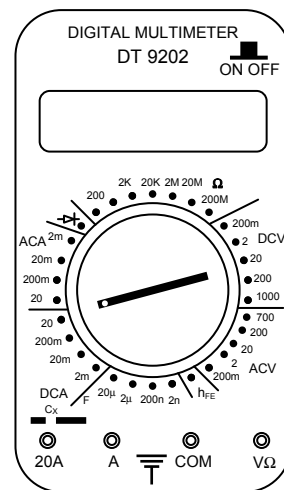
- A.** trong đầu đọc đĩa CD.  
**B.** làm nguồn phát siêu âm.  
**C.** làm dao mổ trong y học.  
**D.** trong truyền tin bằng cáp quang.

**Câu 14:** Trong chân không, các bức xạ có bước sóng tăng dần theo thứ tự đúng là

- A.** tia gamma; tia X; tia tử ngoại; ánh sáng nhìn thấy; tia hồng ngoại và sóng vô tuyến.  
**B.** sóng vô tuyến; tia hồng ngoại; ánh sáng nhìn thấy; tia tử ngoại; tia X và tia gamma.  
**C.** ánh sáng nhìn thấy; tia tử ngoại; tia X; tia gamma; sóng vô tuyến và tia hồng ngoại.  
**D.** tia hồng ngoại; ánh sáng nhìn thấy; tia tử ngoại; tia X; tia gamma và sóng vô tuyến.

**Câu 15:** Trong âm nhạc, khoảng cách giữa hai nốt nhạc trong một *quãng* được tính bằng *cung* và *nửa cung* (nc). Mỗi *quãng tám* được chia thành 12 nc. Hai nốt nhạc cách nhau *nửa cung* thì hai âm (cao, thấp) tương ứng với hai nốt nhạc này có tần số thỏa mãn  $f_c^{12} = 2f_t^{12}$ . Tập hợp tất cả các âm trong một *quãng tám* gọi là một *gam* (âm giai). Xét một *gam* với khoảng cách từ nốt Đồ đến các nốt tiếp theo Rê, Mi, Fa, Sol, La, Si, Đô tương ứng là 2 nc, 4 nc, 5 nc, 7 nc, 9 nc, 11 nc, 12 nc. Trong *gam* này, nếu âm ứng với nốt La có tần số 440 Hz thì âm ứng với nốt Sol có tần số là

- A.** 392 Hz.      **B.** 415 Hz.      **C.** 494 Hz.      **D.** 330 Hz.



**Câu 16:** Một con lắc lò xo treo vào một điểm cố định, dao động điều hòa theo phương thẳng đứng với chu kì 1,2 s. Trong một chu kì, nếu tỉ số của thời gian lò xo giãn với thời gian lò xo nén bằng 2 thì thời gian mà lực đàn hồi ngược chiều lực kéo về là

- A. 0,4 s.      B. 0,1 s.      C. 0,3 s.      D. 0,2 s.

**Câu 17:** Trên một sợi dây đàn hồi đang có sóng dừng ổn định với khoảng cách giữa hai nút sóng liên tiếp là 6 cm. Trên dây có những phần tử sóng dao động với tần số 5 Hz và biên độ lớn nhất là 3 cm. Gọi N là vị trí của một nút sóng; C và D là hai phần tử trên dây ở hai bên của N và có vị trí cân bằng cách N lần lượt là 10,5 cm và 7 cm. Tại thời điểm  $t_1$ , phần tử C có li độ 1,5 cm và đang hướng về vị trí cân bằng. Vào thời điểm  $t_2 = t_1 + \frac{79}{40}$  s, phần tử D có li độ là

- A. 1,50 cm.      B. -1,50 cm.      C. -0,75 cm.      D. 0,75 cm.

**Câu 18:** Một vật nhỏ dao động điều hòa theo một quỹ đạo thẳng dài 14 cm với chu kì 1 s. Từ thời điểm vật qua vị trí có li độ 3,5 cm theo chiều dương đến khi gia tốc của vật đạt giá trị cực tiểu lần thứ hai, vật có tốc độ trung bình là

- A. 26,7 cm/s.      B. 28,0 cm/s.      C. 27,0 cm/s.      D. 27,3 cm/s.

**Câu 19:** Bắn hạt  $\alpha$  vào hạt nhân nguyên tử nhôm đang đứng yên gây ra phản ứng:  ${}^4_2\text{He} + {}^{27}_{13}\text{Al} \rightarrow {}^{30}_{15}\text{P} + {}^1_0\text{n}$ . Biết phản ứng thu năng lượng là 2,70 MeV; giả sử hai hạt tạo thành bay ra với cùng vận tốc và phản ứng không kèm bức xạ  $\gamma$ . Lấy khối lượng của các hạt tính theo đơn vị u có giá trị bằng số khối của chúng. Động năng của hạt  $\alpha$  là

- A. 1,35 MeV.      B. 3,10 MeV.      C. 2,70 MeV.      D. 1,55 MeV.

**Câu 20:** Một mạch dao động LC lí tưởng đang có dao động điện từ tự do với điện tích cực đại của tụ điện là  $Q_0$  và cường độ dòng điện cực đại trong mạch là  $I_0$ . Dao động điện từ tự do trong mạch có chu kì là

- A.  $T = \frac{3\pi Q_0}{I_0}$ .      B.  $T = \frac{\pi Q_0}{2I_0}$ .      C.  $T = \frac{2\pi Q_0}{I_0}$ .      D.  $T = \frac{4\pi Q_0}{I_0}$ .

**Câu 21:** Theo mẫu Bo về nguyên tử hiđrô, nếu lực tương tác tĩnh điện giữa êlectron và hạt nhân khi êlectron chuyển động trên quỹ đạo dừng L là F thì khi êlectron chuyển động trên quỹ đạo dừng N, lực này sẽ là

- A.  $\frac{F}{16}$ .      B.  $\frac{F}{25}$ .      C.  $\frac{F}{9}$ .      D.  $\frac{F}{4}$ .

**Câu 22:** Đặt điện áp  $u = U_0 \cos(100\pi t + \frac{\pi}{4})$  (V) vào hai đầu đoạn mạch chỉ có tụ điện thì cường độ dòng điện trong mạch là  $i = I_0 \cos(100\pi t + \varphi)$  (A). Giá trị của  $\varphi$  bằng

- A.  $\frac{-3\pi}{4}$ .      B.  $\frac{-\pi}{2}$ .      C.  $\frac{3\pi}{4}$ .      D.  $\frac{\pi}{2}$ .

**Câu 23:** Trong chân không, bước sóng ánh sáng lục bằng

- A. 546 mm.      B. 546  $\mu\text{m}$ .      C. 546 nm.      D. 546 pm.

**Câu 24:** Một vật dao động điều hòa với phương trình  $x = 5 \cos \omega t$  (cm). Quãng đường vật đi được trong một chu kì là

- A. 10 cm.      B. 5 cm.      C. 20 cm.      D. 15 cm.

**Câu 25:** Trong mạch dao động LC lí tưởng đang có dao động điện từ tự do, điện tích của một bản tụ điện và cường độ dòng điện qua cuộn cảm thuần biến thiên điều hòa theo thời gian

- A. luôn cùng pha nhau.      B. với cùng tần số.  
C. luôn ngược pha nhau.      D. với cùng biên độ.

**Câu 26:** Khi nói về tia hồng ngoại và tia tử ngoại, phát biểu nào sau đây đúng?

- A. Tia hồng ngoại và tia tử ngoại gây ra hiện tượng quang điện đối với mọi kim loại.  
B. Tia hồng ngoại và tia tử ngoại đều làm ion hóa mạnh các chất khí.  
C. Một vật bị nung nóng phát ra tia tử ngoại, khi đó vật không phát ra tia hồng ngoại.  
D. Tần số của tia hồng ngoại nhỏ hơn tần số của tia tử ngoại.

**Câu 27:** Trong các hạt nhân nguyên tử:  ${}^4_2\text{He}$ ;  ${}^{56}_{26}\text{Fe}$ ;  ${}^{238}_{92}\text{U}$  và  ${}^{230}_{90}\text{Th}$ , hạt nhân bền vững nhất là

- A.  ${}^{56}_{26}\text{Fe}$ . B.  ${}^{230}_{90}\text{Th}$ . C.  ${}^{238}_{92}\text{U}$ . D.  ${}^4_2\text{He}$ .

**Câu 28:** Tia  $\alpha$

- A. là dòng các hạt nhân nguyên tử hiđrô.  
B. có vận tốc bằng vận tốc ánh sáng trong chân không.  
C. là dòng các hạt nhân  ${}^4_2\text{He}$ .  
D. không bị lệch khi đi qua điện trường và từ trường.

**Câu 29:** Đặt điện áp  $u = U\sqrt{2}\cos\omega t$  (V) (với  $U$  và  $\omega$  không đổi) vào hai đầu đoạn mạch mắc nối tiếp gồm đèn sợi đốt có ghi 220 V – 100 W, cuộn cảm thuần có độ tự cảm  $L$  và tụ điện có điện dung  $C$ . Khi đó đèn sáng đúng công suất định mức. Nếu nối tắt hai bản tụ điện thì đèn chỉ sáng với công suất bằng 50 W. Trong hai trường hợp, coi điện trở của đèn như nhau, bỏ qua độ tự cảm của đèn. Dung kháng của tụ điện **không** thể là giá trị nào trong các giá trị sau?

- A. 484  $\Omega$ . B. 345  $\Omega$ . C. 475  $\Omega$ . D. 274  $\Omega$ .

**Câu 30:** Một đoạn mạch điện xoay chiều gồm điện trở thuần  $R$  mắc nối tiếp với một cuộn cảm thuần có cảm kháng với giá trị bằng  $R$ . Độ lệch pha của điện áp giữa hai đầu đoạn mạch với cường độ dòng điện trong đoạn mạch bằng

- A.  $\frac{\pi}{4}$ . B. 0. C.  $\frac{\pi}{3}$ . D.  $\frac{\pi}{2}$ .

**Câu 31:** Trong thí nghiệm Y-âng về giao thoa ánh sáng, khoảng cách giữa hai khe là 1 mm, khoảng cách từ mặt phẳng chứa hai khe đến màn quan sát là 2 m. Nguồn sáng đơn sắc có bước sóng 0,45  $\mu\text{m}$ . Khoảng vân giao thoa trên màn bằng

- A. 0,9 mm. B. 0,6 mm. C. 0,5 mm. D. 0,2 mm.

**Câu 32:** Số nuclôn của hạt nhân  ${}^{230}_{90}\text{Th}$  nhiều hơn số nuclôn của hạt nhân  ${}^{210}_{84}\text{Po}$  là

- A. 126. B. 20. C. 6. D. 14.

**Câu 33:** Hiện tượng chùm ánh sáng trắng đi qua một lăng kính, bị phân tách thành các chùm sáng đơn sắc là hiện tượng

- A. giao thoa ánh sáng. B. phản xạ toàn phần. C. phản xạ ánh sáng. D. tán sắc ánh sáng.

**Câu 34:** Trong chân không, một ánh sáng có bước sóng là 0,60  $\mu\text{m}$ . Năng lượng của photon ánh sáng này bằng

- A. 3,34 eV. B. 5,14 eV. C. 2,07 eV. D. 4,07 eV.

**Câu 35:** Một vật dao động cưỡng bức dưới tác dụng của một ngoại lực biến thiên điều hòa với tần số  $f$ . Chu kì dao động của vật là

- A.  $\frac{1}{2\pi f}$ . B.  $\frac{2\pi}{f}$ . C.  $2f$ . D.  $\frac{1}{f}$ .

**Câu 36:** Gọi  $n_d$ ,  $n_t$  và  $n_v$  lần lượt là chiết suất của một môi trường trong suốt đối với các ánh sáng đơn sắc đỏ, tím và vàng. Sắp xếp nào sau đây đúng?

- A.  $n_d > n_t > n_v$ . B.  $n_d < n_v < n_t$ . C.  $n_v > n_d > n_t$ . D.  $n_t > n_d > n_v$ .

**Câu 37:** Một vật có khối lượng 50 g, dao động điều hòa với biên độ 4 cm và tần số góc 3 rad/s. Động năng cực đại của vật là

- A.  $3,6 \cdot 10^{-4}$  J. B. 3,6 J. C. 7,2 J. D.  $7,2 \cdot 10^{-4}$  J.

**Câu 38:** Một học sinh làm thực hành xác định số vòng dây của hai máy biến áp lí tưởng A và B có các cuộn dây với số vòng dây (là số nguyên) lần lượt là  $N_{1A}$ ,  $N_{2A}$ ,  $N_{1B}$ ,  $N_{2B}$ . Biết  $N_{2A} = kN_{1A}$ ;  $N_{2B} = 2kN_{1B}$ ;  $k > 1$ ;  $N_{1A} + N_{2A} + N_{1B} + N_{2B} = 3100$  vòng và trong bốn cuộn dây có hai cuộn có số vòng dây đều bằng  $N$ . Dùng kết hợp hai máy biến áp này thì có thể tăng điện áp hiệu dụng  $U$  thành  $18U$  hoặc  $2U$ . Số vòng dây  $N$  là

- A. 900 hoặc 372. B. 900 hoặc 750. C. 750 hoặc 600. D. 600 hoặc 372.

**Câu 39:** Để ước lượng độ sâu của một giếng cạn nước, một người dùng đồng hồ bấm giây, ghé sát tai vào miệng giếng và thả một hòn đá rơi tự do từ miệng giếng; sau 3 s thì người đó nghe thấy tiếng hòn đá đập vào đáy giếng. Giả sử tốc độ truyền âm trong không khí là 330 m/s, lấy  $g = 9,9 \text{ m/s}^2$ . Độ sâu ước lượng của giếng là

- A. 39 m. B. 45 m. C. 41 m. D. 43 m.

**Câu 40:** Trong một thí nghiệm giao thoa sóng nước, hai nguồn  $S_1$  và  $S_2$  cách nhau 16 cm, dao động theo phương vuông góc với mặt nước, cùng biên độ, cùng pha, cùng tần số 80 Hz. Tốc độ truyền sóng trên mặt nước là 40 cm/s. Ở mặt nước, gọi  $d$  là đường trung trực của đoạn  $S_1S_2$ . Trên  $d$ , điểm  $M$  ở cách  $S_1$  10 cm; điểm  $N$  dao động cùng pha với  $M$  và gần  $M$  nhất sẽ cách  $M$  một đoạn có giá trị **gần giá trị nào nhất** sau đây?

- A. 6,8 mm. B. 7,8 mm. C. 9,8 mm. D. 8,8 mm.

**Câu 41:** Một sóng cơ truyền trên một sợi dây rất dài với tốc độ 1 m/s và chu kì 0,5 s. Sóng cơ này có bước sóng là

- A. 25 cm. B. 100 cm. C. 50 cm. D. 150 cm.

**Câu 42:** Một sóng cơ truyền dọc theo một sợi dây đàn hồi rất dài với biên độ 6 mm. Tại một thời điểm, hai phần tử trên dây cùng lệch khỏi vị trí cân bằng 3 mm, chuyển động ngược chiều và cách nhau một khoảng ngắn nhất là 8 cm (tính theo phương truyền sóng). Gọi  $\delta$  là tỉ số của tốc độ dao động cực đại của một phần tử trên dây với tốc độ truyền sóng.  $\delta$  **gần giá trị nào nhất** sau đây?

- A. 0,105. B. 0,179. C. 0,314. D. 0,079.

**Câu 43:** Một con lắc lò xo dao động điều hòa theo phương ngang với tần số góc  $\omega$ . Vật nhỏ của con lắc có khối lượng 100 g. Tại thời điểm  $t = 0$ , vật nhỏ qua vị trí cân bằng theo chiều dương. Tại thời điểm  $t = 0,95$  s, vận tốc  $v$  và li độ  $x$  của vật nhỏ thỏa mãn  $v = -\omega x$  lần thứ 5. Lấy  $\pi^2 = 10$ . Độ cứng của lò xo là

- A. 20 N/m. B. 25 N/m. C. 37 N/m. D. 85 N/m.

**Câu 44:** Một con lắc đơn dao động điều hòa với biên độ góc 0,1 rad; tần số góc 10 rad/s và pha ban đầu 0,79 rad. Phương trình dao động của con lắc là

- A.  $\alpha = 0,1\cos(20\pi t + 0,79)$  (rad). B.  $\alpha = 0,1\cos(20\pi t - 0,79)$  (rad).  
C.  $\alpha = 0,1\cos(10t + 0,79)$  (rad). D.  $\alpha = 0,1\cos(10t - 0,79)$  (rad).

**Câu 45:** Một con lắc lò xo gồm lò xo nhẹ và vật nhỏ khối lượng 100 g đang dao động điều hòa theo phương ngang, mốc tính thế năng tại vị trí cân bằng. Từ thời điểm  $t_1 = 0$  đến  $t_2 = \frac{\pi}{48}$  s, động năng của

con lắc tăng từ 0,096 J đến giá trị cực đại rồi giảm về 0,064 J. Ở thời điểm  $t_2$ , thế năng của con lắc bằng 0,064 J. Biên độ dao động của con lắc là

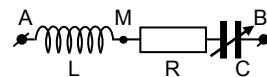
- A. 7,0 cm. B. 3,6 cm. C. 8,0 cm. D. 5,7 cm.

**Câu 46:** Đồng vị là những nguyên tử mà hạt nhân có cùng số

- A. prôtôn nhưng khác số nuclôn. B. nuclôn nhưng khác số notron.  
C. notron nhưng khác số prôtôn. D. nuclôn nhưng khác số prôtôn.

**Câu 47:** Đặt điện áp xoay chiều có giá trị hiệu dụng 200 V và tần số không thay đổi vào hai đầu đoạn mạch AB (hình vẽ). Cuộn cảm thuần có độ tự cảm  $L$  xác định;  $R = 200 \Omega$ ; tụ điện có điện dung  $C$  thay đổi được. Điều chỉnh điện dung  $C$  để điện áp hiệu dụng giữa hai đầu đoạn mạch MB đạt giá trị cực tiểu là  $U_1$  và giá trị cực đại là  $U_2 = 400$  V. Giá trị  $U_1$  là

- A. 200 V. B. 111 V. C. 173 V. D. 80 V.



**Câu 48:** Trong phản ứng hạt nhân **không** có sự bảo toàn

- A. số nuclôn. B. số notron.  
C. năng lượng toàn phần. D. động lượng.

**Câu 49:** Một tụ điện có điện dung  $C$  tích điện  $Q_0$ . Nếu nối tụ điện với cuộn cảm thuần có độ tự cảm  $L_1$  hoặc với cuộn cảm thuần có độ tự cảm  $L_2$  thì trong mạch có dao động điện từ tự do với cường độ dòng điện cực đại là 20 mA hoặc 10 mA. Nếu nối tụ điện với cuộn cảm thuần có độ tự cảm  $L_3 = (9L_1 + 4L_2)$  thì trong mạch có dao động điện từ tự do với cường độ dòng điện cực đại là

- A. 10 mA. B. 4 mA. C. 5 mA. D. 9 mA.

**Câu 50:** Một động cơ điện tiêu thụ công suất điện 110 W, sinh ra công suất cơ học bằng 88 W. Tỉ số của công suất cơ học với công suất hao phí ở động cơ bằng

- A. 2. B. 3. C. 5. D. 4.

----- HẾT -----